

Bản án số: 24/2023/KDTM-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế,
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị N

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc H

Ông Trần Ngọc T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Huyền T1 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 55/2022/KDTMST ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần V

Trụ sở: K (cách công ty cổ phần G 150 m), thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Trọng K – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số B ngõ B đường K, phường Đ, quận H, Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 05/12/2021).

Ông L ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị T2; Địa chỉ: Số E N, phường V, TP B, tỉnh Bắc Ninh (Theo giấy ủy quyền lập ngày 09/5/2022).

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ.

Trụ sở: Số C ngõ D đường B, phường C, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Anh T3 – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A

Địa chỉ: Tổ B B, phường H, quận H, Hà Nội

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 09/01/2023).

Bà T2, ông Tuấn A có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Công ty cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) khởi kiện Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) về tranh chấp Hợp đồng kinh tế và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Trong đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và các buổi hòa giải do T4 án tiến hành, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/2/2011, Công ty V đã ký Hợp đồng kinh tế số 20.2.2011 với Công ty X và tư vấn thiết kế - thuộc Tổng Công ty V1 (Sau đây gọi là Tư Vấn T hoặc bên A) để cung cấp cát vàng và đá cho công trình Nhà máy T6, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mà Công ty Đ là chủ đầu tư. Theo đó, Công ty V đã cung cấp cát vàng và đá tại dự án nhà máy T6, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo đúng thỏa thuận.

Thời gian giao hàng bắt đầu từ ngày 22/02/2011; địa điểm giao hàng: tại công trình của Công ty X và tư vấn thiết kế, công trình Nhà máy T6, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Theo Điều 3 Hợp đồng)

Tính đến ngày 30/06/2011 Công ty V đã cung cấp cho Tư Vấn Thiết Kế số lượng vật liệu xây dựng như sau:

Khối lượng vật liệu xây dựng	Thành tiền (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Còn lại (VNĐ)
3198,5 cát vàng + 540,5m ³ đá	1.568.400.000	605.000.000	963.400.000

Về việc xuất hóa đơn: Theo Điều 6 Hợp Đồng quy định “*Trách nhiệm của Bên B: Xuất hóa đơn GTGT cho Bên A khi bên A đã thanh toán tiền cho Bên B*”

Sau khi cung cấp vật tư cho Tư vấn thiết kế, Công ty V đã xuất hóa đơn VAT cho Tư vấn thiết kế với khối lượng: 3035,6m³ cát vàng và 162m³ đá (theo các hóa đơn chứng từ đã cung cấp cho Tòa án). Đối với khối lượng cát và đá còn lại; 162,9m³ cát vàng và 378,5m³ đá còn lại, Công ty V chưa xuất hóa đơn do Công ty X không thanh toán theo thỏa thuận.

Về thời gian thanh toán, có 2 trường hợp (Theo Điều 5.2 Hợp Đồng):

Trường hợp 1: Cuối tháng hai bên làm biên bản đối chiếu công nợ bên A phải thanh toán cho Bên B hết số tiền mà Bên B đã thực hiện được cho Bên A trong tháng. Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng thì Bên A phải chịu lãi suất cho Bên B theo quy định của ngân hàng theo từng thời điểm

Trường hợp 2: Khi bên B cung cấp hàng cho Bên A chưa đến cuối tháng mà đã đạt tới khối lượng 500m³ thì Bên A phải thanh toán hết cho Bên B số lượng trên sau 5 ngày khi Bên B đã cung cấp đủ khối lượng là 500 m³. Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B đúng hợp đồng thì Bên B sẽ ngừng cung cấp hàng cho Bên A và phải chịu lãi suất theo lãi suất mà Ngân hàng đã quy định.

Sau khi Công ty V đã cung cấp toàn bộ khối lượng vật liệu xây dựng trên cho Tư vấn thiết kế. Công ty V đã gửi Biên bản đối chiếu công nợ theo tháng và yêu cầu họ thanh toán. Tuy nhiên, đến nay Tư vấn thiết kế mới thanh toán cho Công Ty V số tiền **605.000.000 đồng** thông qua chuyển khoản ngân hàng vào các ngày 08/03/2011, 11/03/2011, 26/04/2011. Số tiền còn lại Tư Vấn T chưa thanh toán cho Công ty V.

Ngày 30/09/2011 Công ty V đã lập Biên bản đối chiếu công nợ, Công Ty V và Tư Vấn Thiết Kế thống nhất khoản nợ này sẽ được chuyển giao cho Thủy Điện Tuấn A chịu trách nhiệm thanh toán cho Công Ty V.

Ngày 10/06/2015 Thủy Điện Tuấn A đã gửi Công văn cho tất cả các công ty cung cấp vật tư cho Dự án Nhà máy T6, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (trong đó có Công ty V) với nội dung Thủy Điện Tuấn A đồng ý nhận trả nợ thay cho Tổng Công ty V1 (Bên A là đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty V1).

Ngày 18/08/2015, Công ty V đã ký Biên bản đối chiếu công nợ ba bên giữa Công ty V, Tư Vấn T và Thủy Điện Tuấn A. Công ty Đ xác nhận thanh toán cho Công ty V số tiền **963.400.000 đồng** (Chín trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) thay cho Công ty X và tư vấn thiết kế kể từ ngày 31/05/2015. Tư Vấn Thiết K1 không có trách nhiệm phải trả số tiền này.

Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty Đ vẫn chưa thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào cho Công ty V theo cam kết nhận nợ đã ký tại Công văn số 106/CVTA ngày 10/06/2015 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/08/2015.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm giải quyết buộc Công ty Đ phải trả cho Công Ty V toàn bộ số tiền **963.400.000 đồng** (Chín trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty Đ trình bày: Ông xác nhận ngày 18/8/2015, Công ty Đ, Công ty V và Công ty X và tư vấn thiết kế đã ký

“Biên bản đối chiếu công nợ”. Nội dung là: “Các bên xác nhận Công ty X và tư vấn thiết kế còn nợ Công ty V số tiền tính đến ngày 31/5/2015 là 963.400.000 đồng. Kể từ ngày 31/5/2015 phần vật tư Công ty X và tư vấn thiết kế còn nợ của Công ty CP V số tiền là 963.400.000 đồng sẽ bàn giao cho Công ty Đ thanh toán trực tiếp. Và Công ty X và tư vấn thiết kế không có trách nhiệm phải trả số tiền này”. Nhưng kể từ thời điểm năm 2015 đến nay, Công ty Đ gặp khó khăn trong kinh doanh. Nhà máy T6 do Công ty Đ làm chủ đầu tư phải dừng thi công vì thiếu vốn. Hiện nay Công ty Đ không còn tài chính để trả nợ cho Công ty V. Đề nghị Nguyên đơn liên hệ với Tổng công ty V1 để đòi số nợ này vì bị đơn không có khả năng trả nợ. Nghĩa vụ trả Công ty V số tiền 963.400.000 đồng là thuộc về Tổng Công ty V1 chứ không phải là Công ty Đ.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn còn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nh- đã trình bày tại tòa án và đề nghị HĐXX buộc Công ty Đ trả nợ cho Ngân hàng theo Biên bản đối chiếu công nợ đã ký kết. Cụ thể là số tiền 963.400.000 đồng mà Công ty Đ đã nhận thanh toán cho Công ty V thay cho Công ty X và tư vấn thiết kế. Kể từ ngày 18/9/2023 Công ty Đ tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Công ty V liên hệ với Tổng Công ty V1 để yêu cầu thanh toán số tiền trên vì Công ty Đ đã ngừng hoạt động, hiện nay còn nợ nhiều doanh nghiệp, không có khả năng trả nợ cho Công ty V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, H1 đồng xét xử, T5 ký phiên tòa và của những ng-ời tham gia tố tụng. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án nh- sau: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa, điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định đây là tranh chấp về yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Đ phải trả toàn bộ số nợ gốc là 963.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tranh luận và nghị án, HĐXX nhận định:

1/ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty V khởi kiện Công ty Đ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng kinh tế và Biên bản đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại số C ngõ D B, phường C, quận H, Hà Nội, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp Hợp đồng kinh tế và Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc và theo lãnh thổ.

2/ Về đề nghị áp dụng yêu cầu khởi kiện của bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vì xác định đây là tranh chấp Hợp đồng có thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, HĐXX căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/8/2015 được ký kết giữa Công ty V, Công ty Đ và Công ty X và tư vấn thiết kế thì các bên không có tranh chấp về Hợp đồng kinh tế số 20.2.2011 ngày 20/2/2011, hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ, xác định kể từ ngày 31/5/2015 Công ty X và tư vấn thiết kế còn nợ Công ty V số tiền là 963.400.000 đồng, Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên. Như vậy HĐXX xác định đây là tranh chấp về đòi lại tài sản (yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu) theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 nên không áp dụng thời hiệu.

3/ Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng kinh tế số 20.2.2011 ngày 20/2/2011 được ký kết giữa Công ty X và Công ty V. Nội dung Hợp đồng quy định Công ty V bán cát vàng

cho Công ty X và tư vấn thiết kế để thi công Nhà máy T6, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Về hình thức và nội dung của Hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đương sự không có tranh chấp về hình thức và nội dung của Hợp đồng nên xác định Hợp đồng kinh tế số 20.2.2011 ngày 20/2/2011 là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký.

Qua các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Tính đến ngày 30/06/2011 Công ty V đã cung cấp cho Công ty X và tư vấn thiết kế số lượng vật liệu xây dựng 3198,5 m³ cát vàng + 540,5m³ đá trị giá 1.568.400.000 đồng. Công ty X và tư vấn thiết kế đã thanh toán cho Công ty V số tiền là 605.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 963.400.000 đồng. Số tiền nợ còn lại được các bên xác nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30.9.2011. Như vậy, HĐXX có cơ sở khẳng định Công ty X và tư vấn thiết kế còn nợ Công ty V số tiền là 963.400.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Tuy nhiên, ngày 18/8/2015, giữa Công ty V, Công ty Đ và Công ty X và tư vấn thiết kế đã lập Biên bản đối chiếu công nợ, nội dung Biên bản thể hiện như sau: “Kể từ ngày 31/5/2015 phần vật tư Công ty X và tư vấn thiết kế còn nợ của Công ty V số tiền là 963.400.000 đồng sẽ bàn giao cho Công ty CP Đ thanh toán trực tiếp. Và Công ty X và Tư vấn thiết kế không phải trả số tiền này”. Biên bản được cả ba Công ty xác nhận, ký tên và đóng dấu nên HĐXX xác định Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 18/8/2015 có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký, Công ty Đ đã không thực hiện đúng cam kết do vậy Công ty V khởi kiện đòi Công ty Đ phải thanh toán số tiền 963.400.000 đồng là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, Tòa án đã đưa Tổng Công ty vận tải thủy vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại Văn bản ý kiến ngày 19/6/2023, Tổng Công ty vận tải thủy trình bày như sau: Ngày 20/2/2011, Công ty X – đơn vị trực thuộc Tổng công ty V1 ký Hợp đồng kinh tế số 12/2011/HĐMB với Công ty Cổ phần V về việc Công ty V cung cấp vật tư (cát vàng B) cho Công ty X và Tư vấn Thiết kế để thi công Nhà máy T6, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần Đ là chủ đầu tư. Ngày 18/8/2015, Công ty Cổ phần V, Công ty X và Công ty Cổ phần Đ ký biên bản đối chiếu công nợ ba bên. Theo đó, các bên thỏa thuận kể từ 31/5/2015 phần tiền vật tư Công ty X và Tư vấn Thiết kế còn nợ Công ty Cổ phần V số tiền là 963.400.000 đồng sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty V.

Như vậy số tiền Công ty X và Tư vấn thiết kế còn nợ Công ty V đã được chuyển giao cho Công ty Đ. Công ty X và Tư vấn Thiết kế không còn nợ Công ty V. Trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Công ty V thuộc về Công ty Đ.

Hơn nữa, tại Công văn số 09/2021/CV-TA, Công ty V đã có ý kiến như sau: “Đề nghị thực hiện theo biên bản ba bên đã ký kết, Công ty Cổ phần Đ sẽ là đại diện cho Công ty Cổ phần V để thu hồi khoản nợ này với Tổng công ty V1 và Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty V 963.400.000”. Do vậy, việc Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm đưa Tổng Công ty V1 – CTCP tham gia vào vụ án với tư cách là bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn không cần thiết.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Tổng Công ty V1, Tòa án xác định nghĩa vụ phải trả số tiền 963.400.000 đồng và Tổng Công ty V1 không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án này nên đã không tiếp tục đưa Tổng Công ty V1 vào tham gia tố tụng.

Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty V đ- ợc hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 điều 147, khoản 1 Điều 244, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 155, 157, 280, 370, 357, 468, 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th- ờng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần V đối với bị đơn là Công ty cổ phần Đ về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2, Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền là 963.400.000 đồng.

3, Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài số tiền gốc phải thanh toán trên, Công ty cổ phần Đ còn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

4, Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, ng- ời thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án là 05 năm đ- ợc quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5, Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.902.000 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng chẵn).

Công ty cổ phần V đ- ợc hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.450.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0052037 ngày 18/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

6, Quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nguyên